

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Định hướng: Nghiên cứu

Mã số: 8380101.05

(Ban hành theo Quyết định số 811 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 3 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật kinh tế
 - + Tiếng Anh: Economic Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8380101.05
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ luật chuyên ngành luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức lí luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về pháp luật kinh tế; có năng lực, kĩ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kĩ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo trang bị cho người học kiến thức lí luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật kinh tế tại Việt Nam có so sánh đối chiếu với pháp luật nước ngoài, cập nhật cho người học những kiến thức pháp lí hiện đại về môi trường

pháp lí kinh doanh. Chương trình đào tạo cũng nhằm phát triển tư duy pháp lí mang tính hệ thống để giúp người học tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất các công việc nghiên cứu và thực tiễn về pháp luật kinh tế.

2.2.2. Về kĩ năng

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kĩ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế một cách độc lập, sáng tạo; tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật; tư vấn và áp dụng các quy định pháp luật kinh tế vào việc xử lí các công việc, nhiệm vụ cụ thể ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... nơi họ công tác.

2.2.3. Về năng lực

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quản lí hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cơ sở đào tạo, các viện, các trung tâm khoa học chuyên ngành pháp luật kinh tế hoặc các chuyên ngành khác gần gũi với chuyên ngành pháp luật kinh tế.

2.2.4. Về phẩm chất đạo đức

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Thi tuyển với các môn sau:

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực;
- Môn thi Cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật;
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.


3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của ĐHQGHN và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp

3.3.1. Ngành đúng: Luật.

3.3.2. Danh mục ngành phù hợp

- Luật kinh tế, Luật quốc tế, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế. 

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi kết thúc khóa học;

- Vận dụng kiến thức cơ sở để giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo, đặc biệt là những vấn đề lí luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật kinh tế;

- Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành (bao gồm các kiến thức chuyên sâu về: pháp luật thương mại, pháp luật lao động, pháp luật đất đai- môi trường, pháp luật tài chính- ngân hàng...), tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các công việc có liên quan đến các vấn đề pháp lí trong đời sống kinh tế;

- Viết và bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp. Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra; góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành luật kinh tế;

- Phân tích, đánh giá, phản biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật kinh tế;

- Vận dụng kiến thức lí thuyết chuyên sâu về pháp luật kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam).

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Áp dụng các quy định của pháp luật kinh tế để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác và đời sống xã hội; tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn; hoàn thành công việc có tính chất phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, dự báo các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật kinh tế; so sánh với lí luận và kinh nghiệm

thực tiễn nước ngoài để từ đó rút ra các bài học có thể áp dụng vào điều kiện của Việt Nam;

- Phát hiện vấn đề, tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phản biện các kết quả nghiên cứu; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn về pháp luật kinh tế vào đời sống kinh tế - xã hội;

- Tư vấn pháp luật kinh tế; đề xuất các kiến nghị, giải pháp về pháp luật kinh tế cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Cập nhật các kiến thức mới và thực tiễn áp dụng pháp luật kinh tế trong nước và nước ngoài.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Tra cứu thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, luận văn tốt nghiệp;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo;

- Sử dụng năng lực ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ có thể hiểu và diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc, trình bày các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Chuẩn mực trong lời nói và hành vi;

- Cảm thông, chia sẻ khó khăn cùng người khác; thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác và khách hàng;

- Cầu thị trong học tập và lao động, chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;

- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thúc đẩy công lí, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan;

- Cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;

- Chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo, khoa học và có trách nhiệm với công việc được giao.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân;
- Bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;
- Đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật.

4. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;
- Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển về năng lực chuyên môn;
- Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lý hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành luật kinh tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp hoặc tư pháp, ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan đảng và tổ chức chính trị - xã hội;
- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước; tư vấn viên, chuyên viên pháp chế trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;
- Nhóm 3: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, kinh tế (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật; các trường đại học, cao đẳng...);
- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.



PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	64 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	16 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	20/40 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	20 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2		Ngoại ngữ cơ bản (*) <i>Basic Foreign Languages</i>	4	35	15	10	
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản <i>Basic Russian</i>					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>Basic French</i>					
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản <i>Basic German</i>					
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản <i>Basic Chinese</i>					
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		16				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal Research Methods</i>	2	18	6	6	
4	BSL6021	Thương nhân và hành vi thương mại <i>Traders and Commercial Activities</i>	2	18	6	6	
5	BSL6022	Pháp luật về các quan hệ lao động <i>Law on Labour Relationship</i>	2	18	6	6	
6	BSL6054	Pháp luật về quyền sử dụng đất ở Việt Nam <i>Law on Land Use Rights in Vietnam</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
7	BSL6025	Những vấn đề pháp lí về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh <i>The Legal Issues of Sustainable Development and Green Growth</i>	2	18	6	6	
8	BSL6055	Pháp luật về hoạt động tín dụng ngân hàng <i>Law on Credit Operations of Banks</i>	2	18	6	6	
9	BSL6056	Pháp luật về thuế áp dụng đối với doanh nghiệp <i>Corporate Taxation Law</i>	2	18	6	6	
10	BSL6028	Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại <i>Laws on Commercial Dispute Resolution</i>	2	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		20/40				
11	BSL6049	Môi trường pháp lí kinh doanh <i>Legal Environment for Business</i>	3	27	9	9	
12	BSL6030	Pháp luật về phát hành và giao dịch chứng khoán <i>Laws of Securities Issue and Transaction</i>	2	18	6	6	
13	BSL6050	Pháp luật bảo vệ người lao động <i>Law on Labour Protection</i>	3	27	9	9	
14	BSL6033	Pháp luật về tài sản kinh doanh <i>Business Property Law</i>	2	18	6	6	
15	BSL6034	Nhất thể hóa pháp luật hợp đồng trên bình diện quốc tế <i>Contract Law Unification in the world</i>	2	18	6	6	
16	BSL6035	Pháp luật về tranh chấp lao động và đình công <i>Law on Labour Disputes and Strike</i>	3	27	9	9	
17	BSL6036	Pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai - môi trường <i>Law for settlement of Land and Environmental Disputes</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18	BSL6037	So sánh pháp luật về tổ chức kinh doanh <i>The Comparison of Business Organization Laws</i>	3	27	9	9	
19	BSL6039	Pháp luật về cho thuê tài chính <i>Fiancial Leasing Law</i>	2	18	6	6	
20	BSL6051	Pháp luật phá sản <i>Bankruptcy Law</i>	3	27	9	9	
21	BSL6042	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Consumer Protection Laws</i>	2	18	6	6	
22	BSL6052	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm <i>Insurance Business Law</i>	3	27	9	9	
23	BSL6044	Pháp luật về công sản <i>Public Property Law</i>	2	18	6	6	
24	BSL6045	Pháp luật về kinh doanh vận chuyển <i>Transportation Business Law</i>	2	18	6	6	
25	BSL6053	Pháp luật về hợp đồng lao động <i>Labour Contract Law</i>	3	27	9	9	
26	CIL6042	Luật hợp đồng so sánh <i>Comparative Contract Law</i>	2	18	6	6	
III	BSL7201	Luận văn thạc sĩ	20				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.